

Bản án số: 44 /2019/HSST

Ngày 26/11/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MÔ – TỈNH NINH BÌNH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Ký

Ông Nguyễn Văn Huyền

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Mô.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô tham gia phiên tòa: Bà
Trịnh Thị Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 26/11/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Mô xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 38/2019/TLST - HS ngày 07 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2019/QĐXXST – HS ngày 12 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Quách Hương Tuyết D**, sinh năm 1997 tại Kiên Giang; nơi cư trú: Tổ 98, Ấp B, xã V, huyện V, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12 ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Quách Văn V (chết) và bà Nguyễn Thị Thùy L; chồng, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/6/2019 đến ngày 12/6/2019 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Lê Phi H**, sinh năm 1984 tại Ninh Bình; nơi cư trú: Thôn N, xã V, huyện T, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: lao động tự do; Đảng viên Đảng CSVN đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 85 – QĐ/UBKTTU ngày 19/8/2019 và Quyết định gia hạn đình chỉ sinh hoạt Đảng số 87 QĐ/UBKTTU ngày 12/11/2019 của Ủy ban kiểm tra thành ủy Tam Điệp; trình độ văn hóa: 12/12 ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Trọng K và bà Vũ Thị S; có vợ là Lê Thị H và 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/6/2019 đến ngày 12/6/2019 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Phạm Thị Châm A**, sinh năm 1996 tại Ninh Bình; nơi cư trú: Xóm T, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12 ; dân tộc: kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn K và bà Vũ Thị N; chồng, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/6/2019 đến ngày 11/6/2019 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình. Có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Đặng Đức H2**, sinh năm 1998 tại Hà Nội; nơi cư trú: Số 262 Hoàng Văn T, phường K, quận T, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12 ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đặng Đình H và bà Đình Thị L; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/6/2019 đến ngày 13/6/2019 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” theo lệnh số 47 ngày 13/6/2019 của cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Mô. Có mặt tại phiên tòa.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Đỗ Văn P, sinh năm 1988; trú tại: Tổ 4, phường T, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình. (Vắng mặt)

* Người làm chứng:

- Anh Trịnh Tuấn T, sinh năm 1983. (Vắng mặt)

- Anh Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1994. (Vắng mặt)

- Chị Trần Thị H3, sinh năm 1991. (Có mặt)

- Chị Lê Thị Thùy T2, sinh năm 1994. (Vắng mặt)

- Chị Nguyễn Thị T3, sinh năm 1989. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì vụ án có nội dung như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 04/06/2019 sau khi dự sinh nhật của Phạm Thanh B sinh năm 1991 trú tại xóm 10 xã C, huyện K, Lê Phi H rủ B; Trịnh Tuấn T sinh năm 1983; Đỗ Văn P sinh năm 1988; Nguyễn Ngọc A sinh 1994 cùng trú tại thành phố Tam Điệp tỉnh Ninh Bình; Lê Thị Thùy T2 sinh năm 1994 trú tại xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai; Lô Thị S sinh năm 1986 trú tại xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình đi hát karaoke. Được H rủ thì B rủ thêm Nguyễn Thị T3 sinh năm 1989 trú tại phường L, thành phố P. tỉnh Hà Nam; Trần Thị H2 sinh năm 1991 trú tại xã N, huyện Yên Thủy tỉnh Hòa Bình; Lê Đức T sinh năm 2001 trú tại xã T, huyện D, tỉnh Hà Nam và Đặng Đức H2 là những người chơi DJ tại sinh nhật của B đi hát karaoke. H gọi cho Trần

Văn Đ sinh năm 1988 trú tại xóm Vạn, xã Yên Nhân, huyện Yên Mô là quản lý của quán karaoke Mimosa thuộc xóm 7 xã M, huyện Y đặt phòng hát. Sau đó H điều khiển xe ô tô BKS 35A-143.91 của T chở Ngọc A, T, P, T2 và S đến quán Mimosa còn T2, B, H, H2, T3 đi xe taxi thuê của Nguyễn Đức M. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, trên đường đi từ Kim Sơn đến quán Mimosa, H nói “Lên đó kiểm ít đồ để chơi nhé”, ý H rủ mọi người mua ma túy để sử dụng, mọi người trên xe không ai nói gì. Do biết Phạm Thị Châm A bán ma túy nhưng H không có số điện thoại của Châm A nên Ngọc A dùng điện thoại Iphone 6 lắp sim thuê bao 0865378985 gọi vào số thuê bao 0869676662 của Châm A để mua ma túy. Nghe giọng Ngọc A say rượu nên Châm A nói “Có nhưng ngại không muốn đi” rồi tắt máy. Châm A không bán ma túy nên Ngọc A bỏ điện thoại lên tap lô của xe ô tô rồi ngủ. Thấy Ngọc A không mua được ma túy, H cầm điện thoại của Ngọc A đang để trên taplo xe ô tô gọi cho Châm A nói “Anh H đây, có kẹo không lấy cho anh mấy viên, bọn anh đi uống rượu ở Kim Sơn giờ về Mimosa chơi”, Châm A nói “để em kiểm tra lại em mang cho”, H nói “Mang cho anh 9 viên”, rồi tắt máy. Sau đó H nói với mọi người trên xe “Tao chỉ có tiền mua kẹo thôi, ai còn tiền mua ke đi”, P nói “Em có chỗ quen để em gọi cho thằng em xem có cho nợ đến thứ hai trả không”. Sau đó P lấy điện thoại Iphone 6 Plus, lắp sim thuê bao 0975715008 gọi đến số thuê bao số 0944063202 của người tên Trường hỏi mua 1,5 chỉ ma túy, loại ketamine với giá 3.500.000 đồng/chỉ và hẹn Trường mang ma túy đến quán Mimosa cho mình. Sau khi nhận điện thoại của P, Trường gọi điện thoại cho Quách Hương Tuyết D là bạn gái của Trường là nhân viên của quán karaoke Mimosa nói D bán ma túy cho P, D đồng ý. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, cả nhóm đến quán karaoke Mimosa và được Đ dẫn lên phòng hát VIP 5. Lúc này, H lấy điện thoại của Ngọc A để trên bàn uống nước gọi cho Châm A mang ma túy lên phòng Vip5 cho H. Sau khi nhận điện thoại của Trường, D đến nhà vệ sinh cạnh phòng 101 nhà nghỉ Mimosa lấy 03 túi nilon bên trong đựng ma túy loại Ketamin giấu 03 túi nilon đựng ma túy sau ốp điện thoại nhãn hiệu Iphone 6s Plus của D, mang 02 túi nilon đựng ma túy đến phòng Vip5 đưa cho P, D nói với P “Anh Trường bảo em bán cho anh” và đưa 02 túi nilon đựng 1,5 chỉ ketamine cho P rồi quay về phòng 101 ngủ, còn P mang 02 túi nilon đựng ma túy Duy đưa để trên bàn uống nước, P đổ ketamine vào chiếc đĩa sứ màu trắng hình bầu dục để sẵn trong phòng hát rồi dùng thẻ ATM của Lê Thị Thùy T2 để chia ketamine thành nhiều đường sau đó sử dụng tờ tiền polime mệnh giá 10.000 đồng cuộn tròn lại thành dạng ống được cố định hai đầu bằng vỏ đầu lọc thuốc lá rồi cùng nhau sử dụng. Đến khoảng 22 giờ 15 phút cùng ngày, Châm A mang 01 túi nilon đựng 09 viên ma túy tổng hợp, gồm 06 viên màu trắng và 03 viên màu xanh lên phòng Vip5 cho H nhưng khi vào phòng không thấy H, chỉ có T là người Châm A quen trước đó, Châm A hỏi T “Anh H đâu anh”, T đáp “H đi vệ sinh rồi”, thấy vậy Châm A không nói gì và bỏ

túi nilon đựng 09 viên ma túy tổng hợp xuống bàn uống nước, sau đó Châm A nói với T “Em gửi cho anh H” rồi quay ra, khi Châm A đi ra T tiếp tục hát karaoke. Châm A ra đến hành lang thì gặp H, biết Châm A đã mang ma túy lên phòng nên H nói “Cho anh gửi tiền”, Châm A đáp “của anh hết 3.800.000 đồng”, H nói “cho anh gửi trước 2.000.000 đồng còn lại mai anh gửi”, Châm A đồng ý và cầm 2 triệu đồng cho vào túi rồi quay vào phòng Vip5 cùng với H. Khi H vào phòng Vip5 thấy túi nilon đựng ma túy để trên bàn, biết là ma túy Châm A mang vào cho mình nên H lấy ma túy chia cho mọi người trong phòng hát Vip5 sử dụng, trong đó đưa cho Đặng Đức H2 01 viên ma túy, H2 cất trong túi quần chưa sử dụng còn lại 08 viên ma túy H chia cho mọi người đã sử dụng hết. Châm A vào phòng Vip5 ngồi chơi khoảng 5 phút thì đi về. Đến khoảng 01 giờ ngày 05/6/2019, sau khi đã sử dụng hết số ma túy ketamine D bán, P tiếp tục gọi điện thoại cho Trường mua thêm 01 chỉ ketamine nữa, Trường đồng ý và gọi điện thoại cho D để bán ketamine cho P. Khi này D vẫn giấu 01 túi nilon đựng 01 chỉ ketamine ở sau ốp điện thoại, D mang lên phòng Vip5 bán cho P. Thấy D vào phòng, P nói “Mày xào luôn hộ anh”, D đồng ý và lấy 01 đĩa sứ màu trắng để sẵn trên bàn để “xào” ketamine thì bị tổ công tác Công an huyện Yên Mô kiểm tra tại phòng Vip5, D liền rút túi nilon đựng ma túy ketamine rút xuống sàn nhà. Cơ quan Công an huyện Yên Mô tiến hành lập biên bản thu giữ 01 túi nilon, bên trong có chứa chất dạng tinh thể màu trắng mà Quách Hương Tuyết D rút xuống sàn nhà, khi thu giữ Công an đã tiến hành niêm phong trong phong bì giấy ký hiệu M1; Thu giữ 02 vỏ túi nilon có bám dính tinh thể màu trắng, được niêm phong trong phong bì giấy ký hiệu M2; Thu giữ dưới sàn nhà ½ viên ma túy màu trắng, được niêm phong trong một phong bì giấy ký hiệu M3; Thu giữ trong túi quần của Đặng Đức H2 01 viên ma túy màu xanh, được niêm phong trong một phong bì giấy ký hiệu M4; Thu giữ 01 ống hút được cuộn tròn bằng tờ tiền polime mệnh giá 10.000 đồng hai đầu được cố định bằng vỏ đầu lọc thuốc lá; 01 đĩa sứ màu trắng hình bầu dục và 01 thẻ ATM của ngân hàng Agribank số thẻ 9704050954603861, chủ thẻ Lê Thị Thùy T2, trong thẻ không còn tiền ở tài khoản, không sử dụng nữa; Thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, lắp sim thuê bao 0975715008 của Đỗ Văn P; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J4+, lắp sim thuê bao 0367050999 và số tiền 2.070.000 đồng của Lê Phi H; Thu giữ của Đặng Đức H2 số tiền 231.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus lắp sim thuê bao 0816432936 có ốp nhựa màu đen của Quách Hương Tuyết D.

Ngày 06/06/2019 cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Mô ra quyết định trưng cầu phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình giám định chất ma túy đối với chất tinh thể màu trắng, được niêm phong trong phong bì giấy ký hiệu M1, M2, M3 và M4.

Tại bản kết luận giám định số 186/KLGD-PC09-MT ngày 08/06/2019 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận:

Mẫu chất dạng tinh thể màu trắng gửi giám định ký hiệu M1 có khối lượng 0,7433 gam là ma túy, loại Ketamine.

Chất dạng tinh thể màu trắng bám dính bên trong hai túi nilon ký hiệu M2 là ma túy, loại Ketamine, lượng Ketamine bám dính ít, không xác định được khối lượng.

Ketamine là chất ma túy thuộc bảng danh mục III, số thứ tự 35 Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Mẫu một mảnh viên nén màu trắng gửi giám định ký hiệu M3 có khối lượng 0,1514g, là ma túy MDMA.

Mẫu một viên nén hình tròn, màu xanh ký hiệu M4 có khối lượng 0,3142g, là ma túy loại MDMA.

MDMA là chất ma túy có số thứ tự 27 thuộc bảng danh mục I, Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của Phạm Thị Châm A:

Ngày 07/06/2019, Châm A mời bạn là Vũ Văn Th, sinh năm 1986 trú tại An Thái, huyện A, Hải Phòng; Hoàng Thị H3 sinh năm 1990, Phùng Thị H4 sinh năm 1989 cùng trú tại thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình; Lê Thị N sinh năm 1993, Đặng Lâm O sinh năm 1997 cùng trú tại thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình và Lê Tuấn Đ sinh năm 1997 trú tại phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam đến khách sạn Homstay TamCoc Central Bungalow do anh Phạm Hồng S sinh năm 1994 trú tại Văn Lâm, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình làm chủ, để tổ chức sinh nhật. Đến khoảng 17 giờ 30 cùng ngày, Châm A mang theo 01 túi xách màu đen, trong túi đựng 01 lọ nhựa hình trụ, màu xanh bên trong đựng 17 viên ma túy, dạng viên nén hình trụ tròn màu trắng đục; 01 túi nilon KT(2,5x2,5)cm; 01 túi nilon KT(3x3) bên trong đều đựng ma túy, ketamine; 01 túi nilon KT(3x3)cm bên trong có 04 túi nilon KT(2,5x2,5)cm, trong mỗi túi đều chứa ma túy ketamine cùng với Th đến thuê phòng số 02 và số 04 của Homstay. Châm A và Th vào phòng số 02 còn bạn Châm A vào phòng số 04 để nghỉ ngơi, cất đồ. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, Công an huyện Hoa Lư kiểm tra phòng số 02 Homstay, phát hiện và thu giữ 01 túi xách giả da màu đen KT(19x17x10)cm; 01 hộp nhựa màu xanh KT(2,5x2,7x8,9)cm, trong hộp nhựa có 17 viên nén màu trắng đục, có đặc điểm giống nhau: hình trụ tròn, đường kính 1,1cm, cao 0,3cm được niêm phong trong 01 túi nilon ký hiệu A; thu giữ 01 túi nilon KT(3x3)cm, bên trong chứa chất tinh thể màu trắng, được niêm phong trong túi nilon ký hiệu B1; 01 túi nilon KT(2,5x2,5)cm bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng

được niêm phong trong túi nilon ký hiệu B2; 01 túi nilon KT(3x3)cm bên trong có 4 túi nilon cùng KT(2,5x2,5)cm trong mỗi túi đều chứa chất tinh thể màu trắng được niêm phong trong túi nilon ký hiệu lần lượt B3, B4, B5, B6.

Ngày 08/6/2019 cơ quan CSĐT Công an huyện Hoa Lư ra quyết định trưng cầu phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình giám định các mẫu vật gửi kèm theo ký hiệu A, B1, B2, B3, B4, B5 và B6.

Tại bản kết luận giám định số 194/KLGD-PC09-MT ngày 10/06/2019 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận:

Mẫu gồm 17 viên nén hình tròn màu trắng được gửi giám định ký hiệu A có tổng khối lượng 6,8931 gam là ma túy, loại MDMA.

MDMA là chất ma túy có số thứ tự 27 thuộc bảng danh mục I, Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Các chất dạng tinh thể màu trắng gửi giám định ký hiệu B1 có khối lượng 0,7475 gam; B2 có khối lượng 0,2106 gam; B3 có khối lượng 0,3566 gam; B4 có khối lượng 0,3842 gam; B5 có khối lượng 0,4023 gam; B6 có khối lượng 0,3516 gam. Tổng khối lượng chất dạng tinh thể màu trắng trong các mẫu gửi giám định ký hiệu B1, B2, B3, B4, B5 và B6 là 2,4528 gam, đều là ma túy, loại Ketamine.

Ketamine là chất ma túy thuộc bảng danh mục III, số thứ tự 35 Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Ngày 05/6/2019 bị cáo Quách Hương Tuyết D và Lê Phi H đã tự thú về hành vi phạm tội của mình.

Bản Cáo trạng số 44/CT – VKS ngày 06/11/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô đã truy tố:

Quách Hương Tuyết D về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Phạm Thị Châm A về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm n khoản 2 Điều 249 và khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

Lê Phi H và Đặng Đức H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như bản cáo trạng số 44/CT – VKS ngày 06/11/2019 và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

- Bị cáo **Quách Hương Tuyết D** phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”

Áp dụng: điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s, r khoản 1 – Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Quách Hương Tuyết D từ 7 năm tù đến 7 (bảy) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 5/6/2019. Phạt bổ sung từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ

- Bị cáo **Phạm Thị Châm A** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng: điểm n khoản 2 Điều 249 và khoản 1, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 – Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Châm A từ 2 năm đến 2 năm 6 tháng tù về tội “mua bán trái phép chất ma túy”. 5 (năm) năm đến 5 (năm) năm 6 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Phạm Thị Châm A phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội từ 7 năm đến 8 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 7/6/2019.

- Bị cáo **Lê Phi H và Đặng Đức H2** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Áp dụng: điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 – Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự. Lê Phi H được áp dụng thêm điểm r khoản 1 – Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Phi H từ 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù.

Xử phạt bị cáo Đặng Đức H2 từ 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù.

* Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a, c khoản 1 – Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 - Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì giấy bên trong có 0,6200g Ketamin, hai vỏ túi nilon và 0,0842g ma túy MDMA.; 01 phong bì giấy bên trong có 0,2070g MDMA và vỏ bao niêm phong; 01 phong bì giấy bên trong có 5,3803g MDMA; 6 gói Ketamin gồm: gói 1 có trọng lượng 0,6868g; gói 2 có trọng lượng 0,1611g; gói 3 có trọng lượng 0,2703g; gói 4 có trọng lượng 0,3197g; gói 5 có trọng lượng 0,3127g; gói 6 có trọng lượng 0,2662g; 01 phong bì; 01 hộp nhựa; 01 túi sách giả da; 01 đĩa sủ; 01 thẻ ATM. 03 sim điện thoại có số thuê bao 0975715008 thu của Đỗ Văn P, sim điện thoại có số thuê bao 0816432936, 01 ốp nhựa thu của Duy; sim điện thoại có số thuê bao 086967662 thu của Châm A.

- **Tịch thu sung ngân sách nhà nước:** 01 điện thoại di động thu của Đỗ Văn P; 01 điện thoại di động thu của Quách Hương Tuyết D; 01 điện thoại di động của Phạm Thị Châm A và số tiền 10.000 đồng.

- Truy thu sung Ngân sách Nhà nước của Phạm Thị Châm A số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng).

- Trả lại cho Lê Phi H 01 điện thoại di động bên trong lắp sim thuê bao 0367050999 và số tiền 2.070.000đ (hai triệu không trăm bảy mươi ngàn đồng); trả lại cho Đặng Đức H số tiền 231.000đ (hai trăm ba một ngàn đồng).

* Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã truy tố và xin hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Yên Mô, Công an huyện Hoa Lư, điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo qui định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo Quách Hương Tuyết D, Lê Phi H, Phạm Thị Châm A và Đặng Đức H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã kết luận. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang, kết luận giám định và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận:

- Đêm ngày 04/06/2019 rạng sáng ngày 05/06/2019 tại phòng hát Vip5 quán karaoke Mimosa, tại xóm 7 xã Mai Sơn huyện Yên Mô, Quách Hương Tuyết D đã 02 lần có hành vi bán trái phép ma túy loại Ketamine cho Đỗ Văn P với tổng số tiền 8.750.000 đồng. Khi bị phát hiện cơ quan Công an thu giữ 0,7433 gam Ketamine.

Cùng ngày 4/6/2019 tại phòng hát Vip5 quán Karaoke Mimosa, Phạm Thị Châm A có hành vi bán trái phép cho Lê Phi H 09 viên ma túy tổng hợp loại MDMA với số tiền 3.800.000 đồng, H cho nhóm bạn cùng nhau sử dụng hết 08 viên, còn 01

viên ma túy loại MDMA có khối lượng 0,3142 gam H cho Đặng Đức H2 nhưng H2 chưa sử dụng cất trong túi quần thì bị phát hiện thu giữ của H 0,3142 gam MDMA.

- Ngày 07/06/2019, tại nhà nghỉ Homstay Tam Coc Central Bungalow có địa chỉ xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình, Phạm Thị Châm A có hành vi tàng trữ trái phép 6,8931 gam MDMA và 2,4528 gam Ketamine nhằm mục đích sử dụng thì bị Công an huyện Hoa Lư phát hiện, bắt giữ.

Các bị cáo D, Châm A, H, H2 đều là người có đủ năng lực hành vi dân sự, biết rõ ma túy là chất gây nghiện, Nhà nước cấm lưu hành, buôn bán, tàng trữ nhưng vì hám lợi nên bị cáo Quách Hương Tuyết D vẫn thực hiện hành vi 2 lần bán ma túy cho Đỗ Văn P vào ngày 4/6 và 5/6/2019 nên bị cáo Quách Hương Tuyết D đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được qui định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự. Phạm Thị Châm A đã thực hiện 1 lần bán 9 viên MDMA cho Lê Phi H vào ngày 4/6/2019, bị cáo Phạm Thị Châm A đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 – Điều 251 Bộ luật hình sự. Bị cáo Lê Phi H, Đặng Đức H2 có hành vi mua ma túy nhằm mục đích sử dụng và cho người khác sử dụng trái phép ma túy, khi bị phát hiện Đặng Đức H2 vẫn đang cất giữ trong người 01 viên ma túy MDMA có khối lượng 0,3142 gam. Hành vi của Lê Phi H, Đặng Đức H2 đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tội phạm và hình phạt được qui định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Ngày 07/06/2019, tại nhà nghỉ Homstay TamCoc Central Bungalow, Phạm Thị Châm A có hành vi tàng trữ trái phép 6,8931 gam MDMA và 2,4528 gam Ketamine nhằm mục đích sử dụng. Hành vi của Phạm Thị Châm A đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” thuộc trường hợp tàng trữ hai chất ma túy trở lên theo quy định tại điểm n khoản 2 - Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô truy tố các bị cáo Quách Hương Tuyết D, Lê Phi H, Phạm Thị Châm A và Đặng Đức H về tội danh và điều luật nêu trên có căn cứ và đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người sử dụng, là nguyên nhân gây ra nhiều loại tội phạm khác. Do vậy cần phải xử phạt các bị cáo với mức án nghiêm khắc bằng hình phạt tù cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội và góp phần đấu tranh phòng ngừa chung.

[3] Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cần xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo là trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo D và H đã tự thú về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Phạm Thị Châm A có bố đẻ là người có công với nước được tặng Huân chương chiến công nên Phạm Thị Châm A được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 – Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân tốt ngoài lần phạm tội này các bị cáo không vi phạm pháp luật lần nào khác

Bị cáo Quách Hương Tuyết D và Phạm Thị Châm A phạm tội vì mục đích lợi nhuận nên ngoài hình phạt chính cần áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về vật chứng của vụ án:

Quá trình điều tra cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Mô đã thu giữ: 01 túi nilon, bên trong có chứa chất dạng tinh thể màu trắng mà Quách Hương Tuyết D vớt xuống sàn nhà; 02 vỏ túi nilon có bám dính tinh thể màu trắng; ½ viên ma túy màu trắng dưới sàn nhà; 01 viên ma túy màu xanh trong túi quần của Đặng Đức H2; 01 ống hút được cuộn tròn bằng tờ tiền polime mệnh giá 10.000 đồng hai đầu được cố định bằng vỏ đầu lọc thuốc lá; 01 đĩa sứ màu trắng hình bầu dục và 01 thẻ ATM của ngân hàng Agribank; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6Plus, lắp sim thuê bao 0975715008 của Đỗ Văn P; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J4+, lắp sim thuê bao 0367050999 thu của Lê Phi H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus lắp sim thuê bao 0816432936 thu của Quách Hương Tuyết D; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo lắp sim 086967662 thu của Phạm Thị Châm A và số tiền 2.070.000 đồng thu của Lê Phi H; thu của Đặng Đức H số tiền 231.000 đồng.

Công an huyện Hoa Lư đã thu giữ: 01 túi xách giả da màu đen; 01 hộp nhựa màu xanh trong hộp nhựa có 17 viên nén màu trắng đục; 01 túi nilon bên trong chứa chất tinh thể màu trắng; 01 túi nilon bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng; 01 túi nilon KT(3x3)cm bên trong có 4 túi nilon cùng KT(2,5x2,5)cm trong mỗi túi đều chứa chất tinh thể màu trắng.

Xét thấy: 01 túi nilon bên trong có chứa chất dạng tinh thể màu trắng mà Quách Hương Tuyết D vớt xuống nền nhà; 02 vỏ túi nilon có bám dính tinh thể màu trắng; ½ viên ma túy màu trắng dưới sàn nhà; 01 viên ma túy màu xanh trong túi quần của Đặng Đức H; 01 túi xách giả da màu đen; 01 hộp nhựa màu xanh trong hộp

nhựa có 17 viên nén màu trắng đục; 01 túi nilon bên trong chứa chất tinh thể màu trắng; 01 túi nilon bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng; 01 túi nilon KT(3x3)cm bên trong có 4 túi nilon cùng KT(2,5x2,5)cm trong mỗi túi đều chứa chất tinh thể màu trắng. Ba chiếc sim điện thoại có số thuê bao 0975715008 thu của Đỗ Văn P, sim điện thoại có số thuê bao 0816432936 thu của Duy; sim điện thoại có số thuê bao 086967662 thu của Châm A các bị cáo sử dụng vào việc mua bán trái phép chất ma túy. Đây là vật chứng chứng minh tội phạm của các bị cáo, không còn giá trị sử dụng và là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành do vậy cần áp dụng điểm a, c khoản 1 – Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 – Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự cần tịch thu tiêu hủy các vật chứng trên.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6Plus thu của Đỗ Văn P; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus thu của Quách Hương Tuyết D; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo thu của Phạm Thị Châm A và số tiền 10.000 đồng. Đây là các công cụ phương tiện để các bị cáo và người liên quan sử dụng vào việc phạm tội do vậy cần áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu để sung ngân sách Nhà Nước.

Số tiền 2.000.000 đồng Lê Phi H đã trả cho Phạm Thị Châm A để mua ma túy Châm A đã tiêu sài cá nhân hết và số tiền 1.800.000đ (một triệu tám trăm ngàn đồng) Lê Phi H mua ma túy của Phạm Thị Châm A chưa thanh toán cho Châm A; số tiền 8.750.000đ (tám triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) Đỗ Văn P mua ma túy của Quách Hương Tuyết D mà P chưa thanh toán cho Duy. Đây là số tiền do phạm tội mà có nên cần áp dụng điểm b khoản 2 – Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu của Phạm Thị Châm A số tiền 2.000.000đ; tịch thu của Lê Phi H số tiền 1.800.000đ; tịch thu của Đỗ Văn P số tiền 8.750.000đ để sung Ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J4+, lắp sim thuê bao 0367050999 thu của Lê Phi H chiếc điện thoại này của H không sử dụng vào việc phạm tội; số tiền 2.070.000 đồng thu giữ của Lê Phi H và số tiền 231.000 đồng thu giữ của Đặng Đức H2 không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên áp dụng khoản 3 - Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại các tài sản trên cho bị cáo Lê Phi H và Đặng Đức H.

Chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/11/2019 giữa Công an huyện Yên Mô và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mô.

[5] Trong vụ án này có anh Bùi Văn V là chủ quán Mimosa, anh Trần Văn Đ là người quản lý của quán karaoke Mimosa; anh Phạm Hồng S là chủ nhà nghỉ Homstay TamCoc Central Bungalow. Anh V, anh Đ và anh S không biết việc các bị

cáo mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy nên anh Bùi Văn V, Trần Văn Đ và anh Phạm Hồng S không vi phạm pháp luật.

Đối với Trịnh Tuấn T, Phạm Ngọc A, Phạm Thanh B, Nguyễn Thị T3, Trần Thị H3, Lê Thị Thùy T2, Lô Thị S, Đỗ Văn P, Lê Phi H và Đặng Đức H2 có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Công an huyện Yên Mô đã ra quyết định xử lý hành chính đối với Tùng, Ngọc Anh, Bằng, Thợ, Hằng, Trang, Sáu, P, H và H về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là đúng pháp luật.

Đối với người đàn ông tên Trường mà P gọi điện hỏi mua ma túy và người này gọi cho D để bán ma túy cho P, quá trình điều tra không xác định được tên, tuổi, địa chỉ cụ thể của người này nên cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Mô không có căn cứ điều tra xử lý.

Đối với người đàn ông có tên Sơn mà Quách Hương Tuyết D khai mua ma túy vào ngày 27/5/2019, và người đàn ông không quen biết tại tỉnh Nam Định mà Phạm Thị Châm A khai mua ma túy để bán cho Lê Phi H ngày 04/06/2019 và tàng trữ ngày 07/06/2019, quá trình điều tra Cơ quan CSĐT công an huyện Yên Mô không điều tra được nên không có cơ sở để xử lý hình sự là phù hợp với pháp luật.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo bị xử có tội nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo qui định.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Quách Hương Tuyết D phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Bị cáo Phạm Thị Châm A phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và tội “tàng trữ trái phép chất ma túy”. Bị cáo Lê Phi H, Đặng Đức H 2 phạm tội “tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. - ***Áp dụng điểm b - khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.***

Xử phạt: Quách Hương Tuyết D **7 (bảy) năm** tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 5/6/2019.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Quách Hương Tuyết D 10.000.000đ (mười triệu đồng) để sung Ngân sách Nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm n - khoản 2 – Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 55 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: bị cáo Phạm Thị Châm A 2 (hai) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; 5 (năm) năm 6 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy.”.

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai tội là **7 (bảy) năm 6 (sáu) tháng** tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 7/6/2019.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Phạm Thị Châm A 10.000.000 (mười triệu đồng) để sung Ngân sách Nhà nước.

-. Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm s – khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Lê Phi H được áp dụng thêm điểm r khoản 1 – Điều 51 Bộ luật hình sự

Xử phạt: Lê Phi H **12 (mười hai) tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày 5/6/2019.

Xử phạt: Đặng Đức H2 **12 (mười hai) tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án, được trừ 8 ngày tạm giữ từ ngày 5/6/2019 đến ngày 13/6/2019.

3. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

*** Tịch thu tiêu hủy:**

- 01 phong bì giấy bên trong có 0,6200g ma túy loại Ketamin, hai vỏ túi nilon và 0,0842g ma túy MDMA.

- 01 phong bì giấy bên trong có 0,2070g ma túy loại MDMA và vỏ bao niêm phong.

- 01 phong bì giấy bên trong có 5,3803g ma túy loại MDMA; 6 gói ma túy loại Ketamin gồm: gói 1 có khối lượng 0,6868g; gói 2 có trọng lượng 0,1611g; gói 3 có trọng lượng 0,2703g; gói 4 có trọng lượng 0,3197g; gói 5 có trọng lượng 0,3127g; gói 6 có trọng lượng 0,2662g.

- 01 phong bì; 01 hộp nhựa; 01 túi sách giả da; 01 đĩa sù; 01 thẻ ATM; Ba chiếc sim điện thoại có số thuê bao 0975715008 thu của Đỗ Văn P, sim có số thuê bao 0816432936, 01 ốp nhựa thu của Duy; sim có số thuê bao 086967662 thu của Châm A.

*** Tịch thu sung ngân sách nhà nước.**

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6Plus thu của Đỗ Văn P;

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus thu của Quách Hương Tuyết D.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo thu của Phạm Thị Châm A.

- Số tiền 10.000 đồng.

- Tịch thu của: Phạm Thị Châm A số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng); Lê Phi H số tiền 1.800.000đ (một triệu tám trăm ngàn đồng); Đỗ Văn P số tiền 8.750.000đ (tám triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) để sung Ngân sách Nhà nước.

* Trả lại cho Lê Phi H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J4+, lắp sim thuê bao 0367050999, số tiền 2.070.000đ (hai triệu không trăm bảy mươi ngàn đồng). Trả lại cho Đặng Đức H2 số tiền 231.000đ (hai trăm ba một ngàn đồng).

Chi tiết vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 8/11/2019 giữa cơ quan điều tra Công an huyện Yên Mô với cơ quan Thi hành án dân sự huyện Yên Mô và ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử được lập ngày 8/11/2019.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Quách Hương Tuyết D, Phạm Thị Châm A, Lê Phi H và Đặng Đức H mỗi bị cáo phải nộp 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình (1)
- VKSND tỉnh Ninh Bình (1)
- VKSND huyện Yên Mô(1)
- Công an huyện Yên Mô(2)
- Chi cục THA huyện Yên Mô(1)
- Bị cáo (4)

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoa

- *Người có QLNVLQ đến vụ án*
- *Lưu HS, VP*